

Số: 203 /BC-TH

Thanh Hóa, ngày 05 tháng 04 năm 2021

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**Năm báo cáo: 2020**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

**I. Thông tin chung:**

*1. Thông tin khái quát:*

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2801448559, đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 13/11/2009, Đăng ký thay đổi lần 6 ngày 04/10/2017.
- Vốn điều lệ: 400.000.000.000 đồng (Bốn trăm tỷ đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 400.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Số điện thoại: 02373 900 333.
- Số fax: 02373 900 222.
- Website: [www.ptscthanhhhoa.com.vn](http://www.ptscthanhhhoa.com.vn)
- Mã cổ phiếu: PSN

*2. Quá trình hình thành và phát triển:*

Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa (PTSC Thanh Hóa) là một đơn vị thành viên của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC), PTSC Thanh Hóa được thành lập tháng 9 năm 2009 trên cơ sở chuyển giao cảng Nghi Sơn từ Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 01/01/2011, PTSC Thanh Hóa tiến hành cổ phần hóa doanh nghiệp với vốn Điều lệ là 400 tỷ đồng.

Ngày 17/12/2012, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có công văn số 5081/UBCK-QLPH chấp thuận việc đăng ký công ty đại chúng của PTSC Thanh Hóa theo quy định của luật Chứng khoán.

Ngày 29/11/2016, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đã có quyết định số 783/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty PTSC Thanh Hóa.



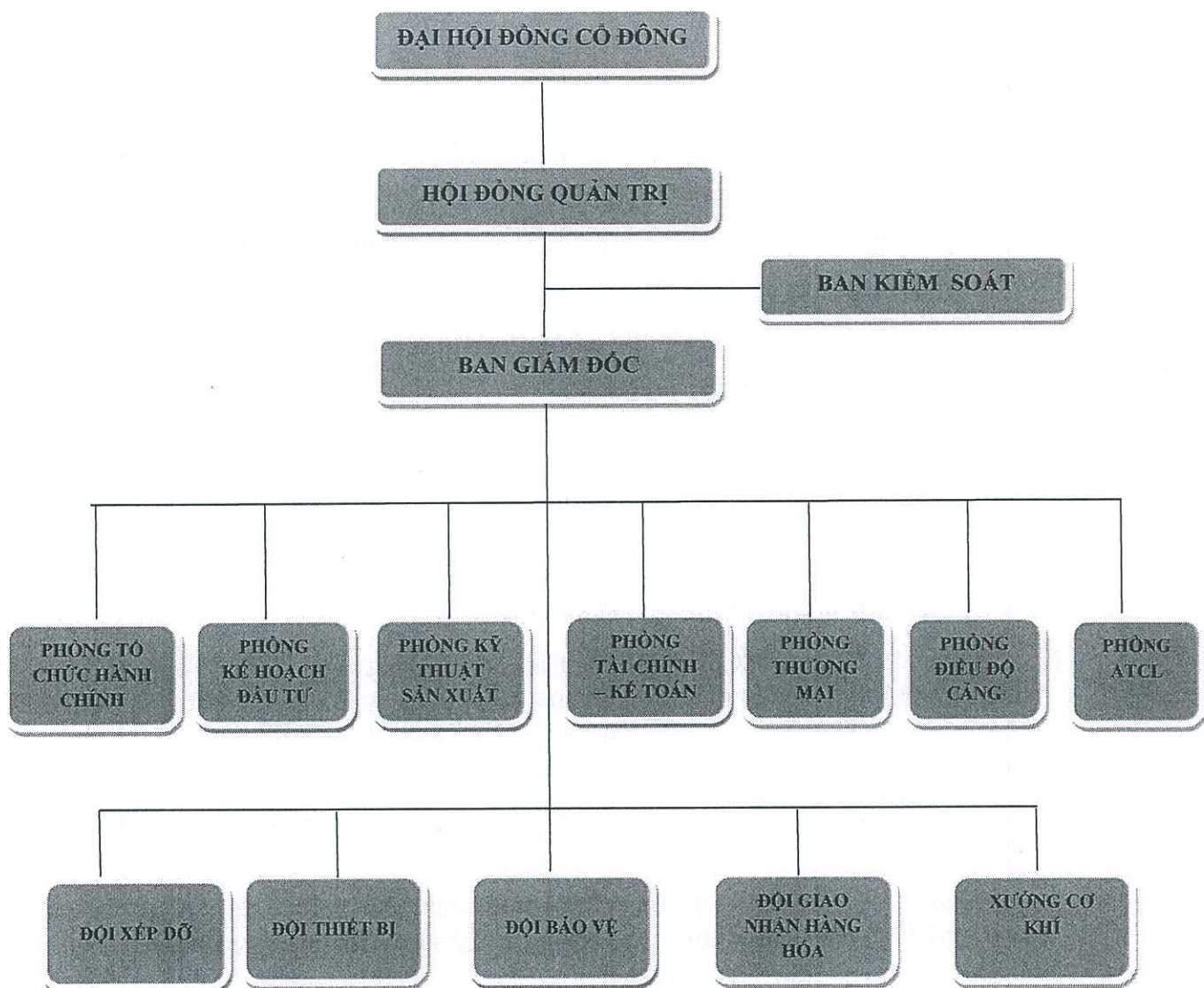
*Handwritten signature*

3. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:*

- Lĩnh vực hoạt động chính của PTSC Thanh Hóa:
- + Dịch vụ căn cứ Cảng – Logistics.
- + Dịch vụ Cơ khí dầu khí, Công nghiệp.
- + Dịch vụ Vận hành và bảo dưỡng.
- + Dịch vụ tàu dịch vụ, tàu lai dắt.
- Địa bàn kinh doanh: Trong nước và quốc tế.

4. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:*

Bộ máy quản lý và tổ chức của Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần với sơ đồ như sau:



- *Đại hội đồng cổ đông:*

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ thông qua các báo cáo của Hội đồng Quản trị về tình hình hoạt động kinh doanh; quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và

đầu tư; bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Công ty; thông qua các chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát; và quyết định bộ máy tổ chức của Công ty và các quyền hạn, nhiệm vụ khác theo quy định của luật pháp và điều lệ.

- *Hội đồng Quản trị:*

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát hoạt động kinh doanh, hoạt động kiểm soát nội bộ và hoạt động quản lý rủi ro của Công ty. Hội đồng quản trị của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

- *Ban Kiểm soát:*

Ban kiểm soát là cơ quan kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của Công ty. Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ. Ban kiểm soát của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

- *Ban Giám đốc:*

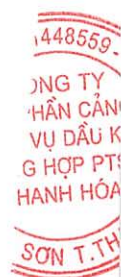
Giám đốc và Phó Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông về điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Phó Giám đốc có trách nhiệm giúp việc Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Giám đốc có nhiệm vụ:

❖ Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết, quyết định của HĐQT, nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;

❖ Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;

❖ Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng kỷ luật đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;

❖ Ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự theo quy định của pháp luật;



St My 30

❖ Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;

❖ Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;

❖ Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

- *Các phòng nghiệp vụ/đội:*

Các Phòng/Đội nghiệp vụ có chức năng thực hiện các công việc nghiệp vụ chuyên môn và giúp cho lãnh đạo PTSC TH (Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc) trong công tác quản lý và điều hành Công ty.

5. *Định hướng phát triển:*

- *Quan điểm phát triển:*

Tập trung nguồn lực, duy trì tăng trưởng ổn định dịch vụ Căn cứ cảng - logistics, Dịch vụ cơ khí dầu khí, Dịch vụ tàu chuyên dụng, Dịch vụ Vận hành - Bảo dưỡng, phát triển SXKD gắn liền với An toàn, Sức khỏe, Môi trường, Chất lượng.

- *Mục tiêu tổng quát:*

Đẩy mạnh và áp dụng các thành tựu khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin vào công tác quản lý và SXKD; quan tâm công tác đào tạo và thu hút lao động có trình độ chuyên môn cao, tiếp tục đổi mới quy trình, quy chế cho phù hợp với từng loại hình SXKD.

- *Mục tiêu cụ thể trong các năm tiếp theo:*

Phát huy nội lực kết hợp với mở rộng hợp tác, mở rộng thị trường, phát triển các loại hình dịch vụ mà trọng tâm là dịch vụ Dầu khí, phát triển Công ty ổn định, bền vững, xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

6. *Các rủi ro:*

Dịch vụ căn cứ cảng gặp sự cạnh tranh quyết liệt của các đơn vị kinh doanh cùng ngành nghề do sự tăng trưởng của cơ sở hạ tầng cảng nhanh hơn tốc độ tăng trưởng của hàng hóa.

Dịch vụ mới về cơ khí dầu khí, tàu chuyên dụng, logistics đòi hỏi phải đồng bộ về cơ sở vật chất, nhân lực, quy trình sản xuất trong thời gian ngắn, đồng thời phải cạnh tranh với các đơn vị đi trước đã có nhiều năm kinh nghiệm.

## **II. Tình hình hoạt động trong năm 2020:**

1. *Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:*

Trong năm 2020, trước tình hình diễn biến phức tạp của Dịch bệnh Covid 19 và sự suy giảm giá dầu đã ảnh hưởng trực tiếp, toàn diện lên tất cả các lĩnh vực SXKD

của Công ty TH. Để đảm bảo duy trì các hoạt động SXKD, Công ty TH đã tập trung chỉ đạo điều hành một cách quyết liệt, thực hiện nhiều giải pháp, tổ chức triển khai nhiều chương trình hành động, phát động nhiều phong trào thi đua nhằm duy trì và thực hiện tốt các dịch vụ. Mặt khác, đẩy mạnh các hoạt động marketing tìm kiếm các hợp đồng dịch vụ mới, thực hiện triệt để tiết kiệm chi phí nhằm nâng cao hiệu quả SXKD. Kết quả hoạt động SXKD năm 2020 như sau:

T T	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	So với KH năm	So với TH 2019
1	Doanh thu	Tỷ đồng	895,02	830,34	629,15	75,8%	70,2%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	42,96	35,00	38,74	110,6%	90,1%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	40,30	33,25	36,41	109,5%	90,3%
4	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ	%	10,0%	8,3%	9,1%	-	-
5	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn góp chủ sở hữu	%	10,0%	8,3%	9,1%	-	-
6	Đầu tư	Tỷ đồng	29,40	250,57	43,76	17,4%	148,8%
7	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	16,62	8,75	13,87	158,5%	83,5%
8	Thu nhập người lao động/tháng	Tr.Đồng	14,7	Cao hơn 2019	16,03	-	109,0%

## 2. Tổ chức và nhân sự:

### - Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Cổ phần sở hữu (cổ phần)	Cổ phần Đại diện (cổ phần)	Ghi chú
1	Lê Văn Nga	Chủ tịch HĐQT	3.000	13.877.300	
2	Phạm Hùng Phương	TV HĐQT/Giám đốc	3.000	8.000.000	
3	Tô Ngọc Thụ	TV HĐQT/ Phó Giám đốc	20.000	-	
4	Vũ Thanh Khiêm	TV HĐQT	0	-	
5	Nguyễn Khắc Dũng	Phó Giám đốc	2.000	-	
6	Nguyễn Hữu Hoan	Phó Giám đốc	0	-	
7	Nguyễn Văn Mạnh	Kế toán trưởng	0	-	

### - Tóm tắt lý lịch Ban điều hành:

#### • Ông Lê Văn Nga – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 06/09/1978  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Quê quán: Thọ Xuân, Thanh Hóa  
Địa chỉ thường trú: An Phú, Thuận An, Bình Dương.  
Số CMND: 281037103 cấp ngày 15/10/2008 Nơi cấp CA Bình Dương  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng  
Chức vụ hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

• **Ông Phạm Hùng Phương – Thành viên HĐQT, Giám đốc**

Giới tính: Nam  
Ngày sinh: 24/04/1974  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Quê quán: Phúc Khánh, Hưng Hà, Thái Bình  
Địa chỉ thường trú: 2/3 Nguyễn Lương Bằng, Phường 9, TP. Vũng Tàu  
Số Hộ chiếu: B2873705 Ngày cấp 24/02/2009 Nơi cấp Cục QL xuất nhập cảnh  
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ QTKD/Cử nhân kinh tế  
Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT, Giám đốc

• **Ông Vũ Thanh Khiêm – Thành viên HĐQT**

Giới tính: Nam  
Ngày sinh: 14/12/1982  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Quê quán: Trục chính - Trục Ninh - Nam Định  
Địa chỉ thường trú: 201, B1, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội.  
Số Hộ chiếu: 001082003641 Ngày cấp 29/08/2014 Nơi cấp Cục CS ĐKQL cư trú và DLQL về dân cư  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí/Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tài chính.  
Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT.

• **Ông Tô Ngọc Thụ – Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc**

Giới tính: Nam  
Ngày sinh: 05/08/1962  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Quê quán: Quảng Thái – Quảng Xương – Thanh Hóa  
Địa chỉ thường trú: 39 Lê Lai, Quảng Hưng, TP. Thanh Hóa, Thanh Hóa.  
Số CMTND: 170397004 Ngày cấp 18/11/2008 Nơi cấp: Công an Thanh Hóa.

*Handwritten signature and initials*

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc

• **Ông Nguyễn Khắc Dũng – Phó Giám đốc**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 26/03/1977

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Nam Lộc, Nam Đàn, Nghệ An

Địa chỉ thường trú: Phường 5, Trần Phú, Tp. Vũng Tàu, Bà Rịa – Vũng Tàu.

Số CMTND: 273605143 Ngày cấp 28/3/2011 tại Công an Bà Rịa Vũng Tàu.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng công trình

Chức vụ hiện nay: Phó Giám đốc

• **Ông Nguyễn Hữu Hoan – Phó Giám đốc**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 03/11/1980

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hà Châu - Hà Trung - Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: 6B/23 Ngô Quyền - P. Điện Biên - Tp. Thanh Hóa

Số CMTND: 171712810 ngày cấp 02/03/2004 tại CA Thanh Hóa.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Chức vụ hiện nay: Phó Giám đốc

• **Ông Nguyễn Văn Mạnh – Kế toán trưởng**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 10/10/1978

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hoàng Thanh - Hoàng Hóa - Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: Hoàng Thanh - Hoàng Hóa - Thanh Hóa

Số CMTND: 171883758 ngày cấp 13/01/2013 tại CA Thanh Hóa.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính, tiền tệ, tín dụng.

Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng.

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không.

3. *Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:*

- Số lượng cán bộ, nhân viên:

Tính đến ngày 31/12/2020, Công ty cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa có 446 lao động. Trong đó: Số lao động ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 404 lao động, Số lao động ký hợp đồng lao động xác định



lt 7 mm

thời hạn 12 - 36 tháng: 33 lao động, Số lao động ký hợp đồng dưới 12 tháng: 9 lao động.

- Chính sách đối với người lao động:

Công ty đã thực hiện tốt chế độ chính sách cho người lao động thông qua việc xây dựng, thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể.

Về chế độ tiền lương: Công ty đã xây dựng quy chế trả lương trên cơ sở tiền lương gắn với hiệu quả công việc, kết quả thực hiện công việc và mức lương của thị trường sức lao động.

4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Tổng giá trị thực hiện đầu tư trong năm 2020 của PTSC Thanh Hóa đạt 43.760 triệu đồng, trong đó, giá trị thực hiện đã hình thành tài sản cố định là 43.760 triệu đồng và số tiền đã giải ngân là 43.760 triệu đồng. Các dự án sau khi hoàn tất đầu tư đều được đưa vào khai thác sử dụng hiệu quả, mang lại nguồn doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

5. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính

Đvt: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	827.285.095.037	799.943.152.481	3,31%
Doanh thu thuần	883.671.709.281	620.308.313.724	29,80%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	43.073.152.437	38.802.180.707	9,92%
Lợi nhuận khác	-112.310.051	-65.530.046	41,65%
Lợi nhuận trước thuế	42.960.842.385	38.736.650.661	9,83%
Lợi nhuận sau thuế	40.303.251.180	36.413.795.115	9,65%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	0%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1.74	1.87	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	1.45	1.61	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			



+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,36	0,34	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,57	0,51	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	15	7	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,07	0,78	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,046	0,059	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,077	0,069	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,049	0,046	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,049	0,063	

6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần: 40.000.000 cổ phần.

Cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông.

b) Cơ cấu cổ đông:

- Tỷ lệ góp vốn của Cổ đông:

STT	Tên công ty	Cơ cấu vốn góp			
		PTSC	Các cổ đông khác	PVFC Capital	Tổng cộng
1	PTSC Thanh Hóa	218.773.000.000	6.227.000.000	175.000.000.000	400.000.000.000
	Tỷ lệ %	54,69%	1,56%	43,75%	100,00%

- Cơ cấu cổ đông:

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Tổng mệnh giá	% vốn điều lệ	Loại cổ phần
1. Trong Công ty		<b>3.366.000.000</b>	0,84%	<b>CPPT</b>
Pháp nhân				
Thẻ nhân	211	3.366.000.000	0,84%	CPPT

*Handwritten signature and number 9*

144  
 ĐĂNG  
 HÃN  
 VỤ D  
 HỢP  
 ANH  
 ON T

2. Ngoài công ty		396.634.000.000	99,16%	CPPT
Pháp nhân	02	393.773.000.000	98,44%	CPPT
Thẻ nhân	208	2.861.000.000	0,72%	CPPT
<b>Tổng cộng</b>	<b>422</b>	<b>400.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>CPPT</b>

- Không có cổ đông nước ngoài.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm 2020 Công ty không có các đợt tăng vốn cổ phần.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2020, Công ty TH đã tận dụng tối đa cơ sở vật chất, nguồn lực hiện có cũng như khắc phục khó khăn, phát huy các mặt thuận lợi, tích cực marketing để mở rộng thị trường, qua đó đã hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận được Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 giao, cụ thể:

- Doanh thu thực hiện năm 2020 đạt 629,15 tỷ đồng, đạt 75,8% so với kế hoạch năm và bằng 70,2% so với năm 2019.

- Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2020 đạt 38,74 tỷ đồng, đạt 110,6% so với kế hoạch năm và bằng 90,1% so với năm 2019.

#### 2. Tình hình tài chính:

##### a) Tình hình tài sản

Về quy mô tài sản: Tổng tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2020 là 799.943 triệu đồng, giảm 27.342 triệu đồng, tương đương giảm 3,31% so với đầu năm. Trong đó, tài sản ngắn hạn là 490.90 triệu đồng, chiếm 61% và tài sản dài hạn là 309.853 triệu đồng chiếm 39%.

Về cơ cấu tài sản: Cơ cấu tài sản của Công ty không có sự thay đổi nhiều so với thời điểm ngày 31/12/2019. Tỷ lệ tài sản ngắn hạn trên tổng tài sản giảm nhẹ và tỷ lệ tài sản dài hạn trên tổng tài sản tăng nhẹ so với thời điểm 31/12/2019. Cụ thể, tại ngày 31/12/2020, tỷ lệ tài sản dài hạn trên tổng tài sản là 39%, tăng 2% so với thời điểm 31/12/2019. Tỷ lệ tài sản ngắn hạn trên tổng tài sản là 61%, giảm tương đương với mức giảm của tài sản dài hạn so với thời điểm 31/12/2019.

##### b) Tình hình nguồn vốn và nợ phải trả

Tổng nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2020 giảm 27.342 triệu đồng so cùng kỳ năm 2019 tương ứng 3,31%. Cơ cấu nguồn vốn cũng thay đổi so với đầu năm. Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng nguồn vốn giảm và tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn tăng so với thời điểm 31/12/2019. Cụ thể, tại ngày 31/12/2020, tỷ lệ nợ phải trả trên tổng nguồn vốn là 34%, giảm 3%, tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn là 66%, tăng 2% so với thời điểm 31/12/2019. Tỷ lệ tăng tổng nguồn vốn so cùng kỳ lớn hơn tỷ lệ

tăng nợ phải trả trong tổng nguồn vốn điều này cho thấy trong năm đơn vị không những duy trì vốn chủ sở hữu mà còn gia tăng vốn chủ sở hữu.

Về chỉ số khả năng thanh toán: Chỉ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn và khả năng thanh toán nhanh tại ngày 31/12/2020 tăng so với thời điểm 31/12/2019 điều này cho thấy khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Đơn vị ngày càng được cải thiện.

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Tiếp tục rà soát lại các quy trình quản lý của Công ty đảm bảo phù hợp với thực tiễn.

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

PTSC Thanh Hóa tiếp tục tập trung xây dựng hệ thống quản lý, sản xuất tiên tiến, đào tạo, thu hút nguồn lực có năng lực, kinh nghiệm, nhiệt huyết; chuẩn bị cơ sở hạ tầng đồng bộ nhằm phát triển các loại hình dịch vụ then chốt. Trên cơ sở đó, Công ty đề ra một số nhiệm vụ chủ yếu như sau:

- Duy trì và giữ chân các khách hàng truyền thống lớn, đồng thời nghiên cứu chính sách thu hút lại các khách hàng đã từng sử dụng dịch vụ của Công ty TH và mở rộng các dịch vụ mới đối với hàng Container và các dịch vụ, mặt hàng khác.

- Tích cực nghiên cứu thị trường, hợp tác với các đối tác mạnh tham gia chuỗi dịch vụ thương mại/ Forwarding nhằm chủ động nguồn hàng thông qua cảng, mà trước mắt tập trung triển khai hiệu quả dịch vụ chuyển tải cho các khách hàng có nhu cầu.

- Bám sát Chủ đầu tư dự án Kho nhiên liệu Hàng không Nam Đình Vũ tại KCN Nam Đình Vũ, giữ vững giao diện để nối lại kế hoạch triển khai khi Chủ đầu tư khởi động lại dự án.

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý để tối ưu hóa chi phí thực hiện dịch vụ. Tiếp tục duy trì đội ngũ cán bộ quản lý dự án, cán bộ kỹ thuật chủ chốt, cử nhân sự đi đào tạo tại hãng, đào tạo theo thực tế công việc để nâng cao trình độ chuyên môn, nắm bắt công nghệ của hãng thiết bị.

- Tiếp tục công tác marketing, tăng cường tiếp cận các dự án, nhà máy lớn trong khu vực cũng như giữ vững giao diện tốt với NSRP để nắm bắt thông tin, tham gia chào thầu các gói thầu mà Công ty TH có năng lực tham gia.

- Đàm phán gia hạn Hợp đồng các gói thầu sắp hết hạn trong năm 2020 và tìm kiếm việc làm thay thế các công việc đã và đang suy giảm.

- Tăng cường công tác sáng kiến, cải tiến, hợp lý hóa sản xuất và tiết giảm chi phí để nâng cao năng lực cạnh tranh thu hút khách hàng.

- Tăng cường công tác kiểm soát tài chính, đặc biệt là các hợp đồng sản xuất kinh doanh ngắn hạn, đảm bảo dòng tiền được kiểm soát tốt, hạn chế để xảy ra tình trạng nợ quá hạn, nợ xấu...

- Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, kịp tiến độ các dự án đã được Tổng công ty phê duyệt, đảm bảo các dự án đầu tư được khai thác ngay và mang lại hiệu quả kinh tế thiết thực.

### 5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): Không có

## IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

8559  
TY  
CẢNG  
ÂU KH  
' PTSC  
HÓA  
THANK

Trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 đã được Đại hội cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị luôn theo dõi và giám sát hoạt động công ty về mọi mặt; nắm bắt tình hình, chỉ đạo sát sao, kịp thời điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế.

Cùng với việc điều chỉnh các chỉ tiêu hợp lý, Hội đồng quản trị đã đưa ra các định hướng phát triển đúng đắn, mang lại hiệu quả kinh tế cao, góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty.

## 2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

- Ban Giám đốc công ty đã thực hiện đúng theo định hướng phát triển và các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra; Trong công tác điều hành luôn thể hiện với tinh thần trách nhiệm cao, tính năng động sáng tạo và đoàn kết, tận dụng tối đa các lợi thế, khắc phục khó khăn để hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

- Việc triển khai các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được Ban Giám đốc thực hiện triệt để, có hiệu quả.

- Tình hình tài chính và các khoản chi phí được Ban Giám đốc kiểm soát tốt, không để xảy ra thiệt hại cho Công ty.

- Thực hiện tốt chính sách tiền lương, thưởng, cải thiện điều kiện làm việc cũng như nâng cao thu nhập cho người lao động.

## 3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

- Hỗ trợ Ban điều hành để tổ chức thực hiện thành công các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và các nội dung được Đại hội cổ đông phê duyệt phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh để đưa ra giải pháp hỗ trợ kịp thời, tháo gỡ những khó khăn để thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh;

- Thực hiện đánh giá hiệu quả các dự án đầu tư, dự án kinh doanh, tính toán để phân bổ các chỉ tiêu đầu tư phù hợp, đảm bảo hoàn thành công tác đầu tư theo các mục tiêu kế hoạch đề ra;

- Chỉ đạo sâu sát, quyết liệt công tác mở rộng thị trường, tìm kiếm hợp đồng, dịch vụ, đặc biệt các dịch vụ có hàm lượng kỹ thuật cao, các dịch vụ của Nhà máy lọc dầu, các dự án EPC. Đồng thời hợp tác chiến lược với các đối tác có năng lực, kinh nghiệm trong và ngoài nước để phát triển, mở rộng các loại hình dịch vụ cốt lõi;

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các quy chế quản lý, quản trị doanh nghiệp phù hợp với quy định của Nhà nước, Tập đoàn, Tổng công ty PTSC và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Tiếp tục xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu mở rộng các loại hình dịch vụ mới;

- Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông và đảm bảo thu nhập và điều kiện làm việc của người lao động. Thực hiện các giải pháp khuyến khích để người lao động gắn bó vì sự phát triển của Công ty;

- Thực hiện những nhiệm vụ khác do Đại hội đồng cổ đông giao.

## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: Hiện tại có 04 thành viên:

Họ và tên	Chức vụ	Tỉ lệ sở hữu CP	Các chức vụ khác
Ông Lê Văn Ngà	Chủ tịch HĐQT	0,008%	
Ông Phạm Hùng Phương	Thành viên HĐQT/Giám đốc	0,008%	
Ông Tô Ngọc Thụ	Thành viên HĐQT/Phó Giám đốc	0,05%	
Ông Vũ Thanh Khiêm	Thành viên HĐQT	0,000%	Trưởng Ban Kỹ thuật sản xuất Tổng công ty PTSC

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- HĐQT luôn thực hiện, tuân thủ nghiêm túc Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Ngày 22/5/2020, Hội đồng quản trị đã tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2020; trong năm 2020 đã tiến hành 04 cuộc họp và đã triển khai lấy ý kiến, ban hành các nghị quyết, quyết định liên quan đến thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

- Các cuộc họp do Chủ tịch HĐQT chủ trì với các nội dung được chuẩn bị kỹ lưỡng và được tiến hành dân chủ bàn bạc, có biểu quyết và thống nhất cao.

- Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đều được lấy ý kiến đồng thuận của tất cả các thành viên trong Hội đồng quản trị và được phổ biến đến toàn Công ty để thực hiện.

- Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng, đủ các báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với Công ty đại chúng quy mô lớn và của Tổng công ty PTSC.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

Tham dự đầy đủ các phiên họp HĐQT, cùng xem xét nghiên cứu và đưa ra ý kiến đóng góp cho Nghị quyết của HĐQT.

Thường xuyên cùng Ban kiểm soát Công ty kiểm tra hoạt động tài chính và các hoạt động khác của Công ty.

Có ý kiến kịp thời với Ban giám đốc và HĐQT khi nhận thấy có những quyết sách chưa hợp lý.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có.

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Các thành viên Hội đồng quản trị đều được tham gia các lớp tập huấn về quản lý công ty.

### 2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: Hiện tại có 03 thành viên:



Họ tên	Chức vụ	Tỉ lệ sở hữu CP	Các chức vụ khác
Ông: Trần Duy Nguyên	Trưởng BKS	0,00%	
Ông: Trần Xuân Tài	Thành viên	0%	
Bà: Bùi Thị Hoài Thu	Thành viên	0%	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát Công ty hợp định kỳ cùng với các kỳ họp HĐQT. Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong điều lệ của Công ty: giám sát, kiểm tra, thẩm tra báo cáo tài chính và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm bảo đảm tính chính xác, trung thực về báo cáo hoạt động của Công ty, nhằm đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư.

Hàng quý Ban Kiểm soát có báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, hoạt động đầu tư của Công ty, đồng thời đưa ra những kiến nghị đối với HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét quyết định.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020 được trả theo mức Đại hội đồng cổ đông thông qua, cụ thể thù lao đối với Thành viên Hội đồng quản trị là 3.000.000 đồng-người/tháng; Trưởng Ban kiểm soát là 3.000.000 đồng/tháng; Thành viên ban kiểm soát là 2.000.000 đồng-người/tháng. Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách và Ban Giám đốc được trả theo quy định tại Quy chế quản lý tiền lương của Công ty.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

## VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Đính kèm.

Xác nhận của đại diện theo pháp luật  
của Công ty



**GIÁM ĐỐC**  
**PHẠM HÙNG PHƯƠNG**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA**

Xã Nghi Sơn, Thị xã Nghi Sơn

Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 24





## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA

Xã Nghi Sơn, Thị xã Nghi Sơn  
Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn Ngà	Chủ tịch
Ông Phạm Hùng Phương	Thành viên
Ông Vũ Thanh Khiêm	Thành viên
Ông Tô Ngọc Thụ	Thành viên

##### Ban Giám đốc

Ông Phạm Hùng Phương	Giám đốc điều hành
Ông Nguyễn Khắc Dũng	Phó Giám đốc
Ông Tô Ngọc Thụ	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Hoan	Phó Giám đốc

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Phạm Hùng Phương  
Giám đốc điều hành

Ngày 19 tháng 3 năm 2021

Số: 0378 /VN1A-HC-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 19 tháng 3 năm 2021 từ trang 04 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến các điều chỉnh liên quan đến việc trình bày lại báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo yêu cầu từ thông báo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước số 712/TB-KTNN ngày 14 tháng 12 năm 2020 và được đề cập tại Thuyết minh số 4 trong Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.



**Đào Thái Thịnh**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 1867-2018-001-1

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 19 tháng 3 năm 2021

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

A blue ink signature of Phan Thị Hồng Nhung.

**Phan Thị Hồng Nhung**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 4310-2018-001-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>490.089.798.374</b>	<b>523.780.861.003</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>55.167.065.179</b>	<b>60.880.168.548</b>
1. Tiền	111		34.851.640.529	18.517.819.791
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.315.424.650	42.362.348.757
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>136.748.914.291</b>	<b>56.413.248.314</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	136.748.914.291	56.413.248.314
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>227.564.273.953</b>	<b>311.592.536.501</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	204.804.584.052	245.308.566.606
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	7.355.424.986	8.774.380.280
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	22.711.053.439	64.714.562.957
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(7.306.788.524)	(7.204.973.342)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>69.694.978.222</b>	<b>87.774.692.809</b>
1. Hàng tồn kho	141		69.694.978.222	87.774.692.809
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>914.566.729</b>	<b>7.120.214.831</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	914.566.729	1.013.628.950
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	6.106.585.881
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>309.853.354.107</b>	<b>303.504.234.034</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>297.441.357.977</b>	<b>290.988.692.374</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	297.441.357.977	290.779.692.368
- Nguyên giá	222		643.669.077.090	600.352.572.907
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(346.227.719.113)	(309.572.880.539)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	209.000.006
- Nguyên giá	228		1.639.261.714	1.639.261.714
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.639.261.714)	(1.430.261.708)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.172.695.567</b>	<b>1.172.695.568</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.172.695.567	1.172.695.568
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>11.239.300.563</b>	<b>11.342.846.092</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	9.602.770.379	9.901.875.991
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	1.636.530.184	1.440.970.101
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>799.943.152.481</b>	<b>827.285.095.037</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>271.103.782.010</b>	<b>301.143.309.761</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>261.593.373.763</b>	<b>301.143.309.761</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	127.520.111.904	202.581.637.555
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		33.298.185.106	9.126.507.434
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	3.072.436.561	(3.488.857.854)
4. Phải trả người lao động	314		20.646.716.611	16.686.238.861
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	46.368.319.115	52.419.732.694
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	25.780.237.868	21.874.010.821
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	265.568.572
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.907.366.598	1.678.471.678
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>9.510.408.247</b>	-
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	18	9.510.408.247	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>528.839.370.471</b>	<b>526.141.785.276</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>528.839.370.471</b>	<b>526.141.785.276</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		400.000.000.000	400.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		58.824.301.220	47.391.881.381
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		70.015.069.251	78.749.903.895
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		33.601.274.136	38.446.652.715
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		36.413.795.115	40.303.251.180
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>799.943.152.481</b>	<b>827.285.095.037</b>

**Bùi Thị Thu Hương**  
 Người lập

**Nguyễn Văn Mạnh**  
 Kế toán trưởng



**Phạm Hùng Phương**  
 Giám đốc điều hành  
 Ngày 19 tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm trước	
			Năm nay	(Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		620.308.313.724	883.671.709.281
2. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)</b>	<b>10</b>	<b>22</b>	<b>620.308.313.724</b>	<b>883.671.709.281</b>
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	553.765.458.371	814.368.731.699
4. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>66.542.855.353</b>	<b>69.302.977.582</b>
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	8.632.291.473	10.871.090.675
6. Chi phí tài chính	22		188.299.050	226.971.673
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	36.184.667.069	36.873.944.147
8. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)</b>	<b>30</b>		<b>38.802.180.707</b>	<b>43.073.152.437</b>
9. Thu nhập khác	31		205.490.143	478.992.405
10. Chi phí khác	32		271.020.189	591.302.456
11. <b>Lỗ khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(65.530.046)</b>	<b>(112.310.051)</b>
12. <b>Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>38.736.650.661</b>	<b>42.960.842.386</b>
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	2.518.415.629	2.897.256.453
14. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	27	(195.560.083)	(239.665.247)
15. <b>Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>36.413.795.115</b>	<b>40.303.251.180</b>
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	774	856

Bùi Thị Thu Hương  
Người lập

Nguyễn Văn Mạnh  
Kế toán trưởng



Phạm Hùng Phương  
Giám đốc điều hành  
Ngày 19 tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	38.736.650.661	42.960.842.386
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	36.863.838.580	34.978.201.689
Các khoản dự phòng	03	9.346.654.857	572.954.531
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(251.113.706)	119.583.543
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(7.905.156.628)	(10.403.107.846)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	76.790.873.764	68.228.474.303
Thay đổi các khoản phải thu	09	97.063.466.790	(43.865.964.716)
Thay đổi hàng tồn kho	10	18.079.714.587	(15.507.292.872)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(47.586.180.191)	(116.174.379.349)
Thay đổi chi phí trả trước	12	398.167.833	(567.744.552)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.040.755.694)	(2.430.164.754)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.487.315.000)	(6.364.092.180)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	139.217.972.089	(116.681.164.120)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định	21	(43.763.404.142)	(7.519.612.298)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(112.205.747.150)	(8.523.084.881)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	31.870.081.173	65.957.862.691
4. Tiền thu lãi tiền gửi	27	6.771.795.455	8.973.652.660
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(117.327.274.664)	58.888.818.172
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(27.854.914.500)	(28.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(27.854.914.500)	(28.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(5.964.217.075)	(85.792.345.948)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	60.880.168.548	146.644.173.656
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	251.113.706	28.340.840
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	55.167.065.179	60.880.168.548

**Bùi Thị Thu Hương**  
Người lập

**Nguyễn Văn Mạnh**  
Kế toán trưởng



**Phạm Hùng Phương**  
Giám đốc điều hành  
Ngày 19 tháng 3 năm 2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2801448559 ngày 28 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thanh Hóa cấp. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ngày 13 tháng 11 năm 2009, và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Cổ đông chính và là công ty mẹ của Công ty là Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Tổng công ty PTSC”).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 446 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 461 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến dịch vụ vận tải (cung cấp vật tư, thiết bị, thực phẩm phục vụ ngành dầu khí; dịch vụ đại lý tàu biển; cung cấp dịch vụ thử tải, dịch vụ hạ thủy, nâng hạng nặng, dịch vụ cân); bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (kinh doanh phân đạm và hóa chất phục vụ nông nghiệp; kinh doanh gỗ dăm, clinker và than quặng); bốc xếp hàng hóa (vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, kiểm đếm và giao nhận hàng hóa); dịch vụ lưu trú ngắn ngày (dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ); quản lý, điều hành kinh doanh và khai thác cảng, căn cứ dịch vụ kỹ thuật dầu khí, kinh doanh các dịch vụ cảng; kinh doanh vận tải đa phương thức trong và ngoài nước; cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí; chế tạo, sửa chữa, bảo dưỡng cơ khí; cung cấp dịch vụ kiểm tra không phá hủy, xử lý nhiệt trước và sau khi hàn; cho thuê máy móc thiết bị, xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; khai thác xử lý và cung cấp nước; thu gom rác thải; dịch vụ phòng trọ; dịch vụ đồ uống; nhà hàng và các dịch vụ khác; buôn bán vật liệu; thực phẩm; đồ uống; bán lẻ thực phẩm lương thực; vận tải đường bộ; kinh doanh bất động sản.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh dịch vụ cảng
- Dịch vụ tàu lai
- Dịch vụ logistics
- Dịch vụ gia công cơ khí
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường đối với các hoạt động dịch vụ cảng, kinh doanh nhiên liệu và dịch vụ logistics của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng. Đối với dịch vụ gia công cơ khí, chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty tương ứng với thời gian thực hiện hợp đồng gia công, tùy theo từng dự án, thường là trong thời gian từ 12 đến 24 tháng.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.





**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài Chính**

Đại dịch Covid-19 đang gây ra suy thoái kinh tế và tác động xấu cho hầu hết các doanh nghiệp trong nhiều ngành. Ban Giám đốc đã đánh giá tác động của Covid-19 đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh, cũng như theo sát các chính sách hỗ trợ của Chính Phủ để có biện pháp phù hợp nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực của dịch bệnh đối với hoạt động của Công ty trong năm. Ban Giám đốc vẫn liên tục theo dõi những diễn biến liên quan đến Covid-19 và đánh giá rằng đại dịch Covid-19 không ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.



### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 34
Máy móc và thiết bị	2 - 16
Phương tiện vận tải	2 - 6
Thiết bị văn phòng	2 - 5
Tài sản khác	4 - 15

### Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê.

#### Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

#### Công ty là bên đi thuê

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

1448  
CÔNG  
HẠN  
VỤ D  
HỢP  
ANH  
ON T.

10  
N  
G T  
LC  
T  
PH

### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong hai năm.

### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm phí thuê, chi phí bảo hiểm, công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác. Các khoản này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

### **Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.



Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

#### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



4. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU NĂM TRƯỚC

Trong năm, Ban Giám đốc đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 để thực hiện các điều chỉnh theo Thông báo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước số 712/TB-KTNN ngày 14 tháng 12 năm 2020. Chi tiết ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND		
		Số đầu năm (Số liệu đã báo cáo)	Số điều chỉnh	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>545.730.270.841</b>	<b>(21.949.409.838)</b>	<b>523.780.861.003</b>
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	378.292.133.522	(66.699.597.021)	311.592.536.501
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	234.649.651.788	10.658.914.818	245.308.566.606
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	142.073.074.796	(77.358.511.839)	64.714.562.957
IV. Hàng tồn kho	140	43.024.505.626	44.750.187.183	87.774.692.809
1. Hàng tồn kho	141	43.024.505.626	44.750.187.183	87.774.692.809
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>304.014.234.034</b>	<b>(510.000.000)</b>	<b>303.504.234.034</b>
I. Tài sản cố định	220	291.498.692.374	(510.000.000)	290.988.692.374
1. Tài sản cố định hữu hình	221	291.289.692.368	(510.000.000)	290.779.692.368
- Nguyên giá	222	601.072.572.907	(720.000.000)	600.352.572.907
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(309.782.880.539)	210.000.000	(309.572.880.539)
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>	<b>849.744.504.875</b>	<b>(22.459.409.838)</b>	<b>827.285.095.037</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Số đầu năm (Số liệu đã báo cáo)</b>	<b>Số điều chỉnh</b>	<b>Số đầu năm (Trình bày lại)</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>320.747.452.683</b>	<b>(19.604.142.922)</b>	<b>301.143.309.761</b>
I. Nợ ngắn hạn	310	320.747.452.683	(19.604.142.922)	301.143.309.761
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	202.901.972.537	(320.334.982)	202.581.637.555
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1.966.885.643	(5.455.743.497)	(3.488.857.854)
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	66.247.797.137	(13.828.064.443)	52.419.732.694
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>528.997.052.192</b>	<b>(2.855.266.916)</b>	<b>526.141.785.276</b>
I. Vốn chủ sở hữu	410	528.997.052.192	(2.855.266.916)	526.141.785.276
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	81.605.170.811	(2.855.266.916)	78.749.903.895
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a	43.497.104.680	(5.050.451.965)	38.446.652.715
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	38.108.066.131	2.195.185.049	40.303.251.180
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>	<b>849.744.504.875</b>	<b>(22.459.409.838)</b>	<b>827.285.095.037</b>

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (\*):

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm trước		Năm trước (Trình bày lại)
		(Số liệu đã báo cáo)	Số điều chỉnh	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	891.368.097.519	(7.696.388.238)	883.671.709.281
<b>2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)</b>	<b>10</b>	<b>891.368.097.519</b>	<b>(7.696.388.238)</b>	<b>883.671.709.281</b>
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	824.726.565.730	(10.357.834.031)	814.368.731.699
<b>4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>	<b>66.641.531.789</b>	<b>2.661.445.793</b>	<b>69.302.977.582</b>
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36.851.975.965	21.968.182	36.873.944.147
<b>8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22)-26)</b>	<b>30</b>	<b>40.433.674.826</b>	<b>2.639.477.611</b>	<b>43.073.152.437</b>
9. Thu nhập khác	31	346.140.430	132.851.975	478.992.405
11. Lỗ khác (40=31-32)	40	(245.162.026)	132.851.975	(112.310.051)
<b>12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>	<b>40.188.512.800</b>	<b>2.772.329.586</b>	<b>42.960.842.386</b>
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	2.320.111.916	577.144.537	2.897.256.453
<b>15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>	<b>38.108.066.131</b>	<b>2.195.185.049</b>	<b>40.303.251.180</b>
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	810	46	856

(\*): Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 được trình bày lại không bao gồm các điều chỉnh liên quan doanh thu, giá vốn và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án STG đã phát sinh ở năm 2018 theo kết quả của Kiểm toán nhà nước do các điều chỉnh này được xác định ảnh hưởng theo từng năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm trước		Năm trước (Trình bày lại)
		(Số liệu đã báo cáo)	Số điều chỉnh	
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01	40.188.512.800	2.772.329.586	42.960.842.386
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định	02	35.188.201.689	(210.000.000)	34.978.201.689
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>65.666.144.717</b>	<b>2.562.329.586</b>	<b>68.228.474.303</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(53.014.310.109)	9.148.345.393	(43.865.964.716)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(22.992.092.091)	7.484.799.219	(15.507.292.872)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(96.978.905.151)	(19.195.474.198)	(116.174.379.349)
<b>5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN</b>				
			Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt			266.388.204	537.512.554
Tiền gửi ngân hàng			34.585.252.325	17.980.307.237
Các khoản tương đương tiền			20.315.424.650	42.362.348.757
			<b>55.167.065.179</b>	<b>60.880.168.548</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,9%/năm đến 3,3%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: từ 4,9%/năm đến 5,5%/năm).

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại trong nước và hưởng lãi suất từ 3,9%/năm đến 6,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: từ 6,2%/năm đến 6,8%/năm).

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
<b>a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng là bên thứ ba</b>	<b>81.714.956.816</b>	<b>91.714.282.112</b>
Công ty TNHH Tatsumi Việt Nam	19.537.433.515	17.706.540.431
Các khoản phải thu khách hàng khác	62.177.523.301	74.007.741.681
<b>b. Phải thu khách hàng các bên liên quan</b>	<b>123.089.627.236</b>	<b>153.594.284.494</b>
	<b>204.804.584.052</b>	<b>245.308.566.606</b>

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty CP Lắp máy Số 1	3.046.321.219	(3.046.321.219)	3.046.321.219	(3.046.321.219)
Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Thiện Tài	927.659.546	(927.659.546)	927.659.546	(927.659.546)
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Nghi Sơn	1.703.887.581	(1.703.887.581)	1.703.887.581	(1.703.887.581)
Các khách hàng khác	199.126.715.706	(1.628.920.178)	239.630.698.260	(1.527.104.996)
	<b>204.804.584.052</b>	<b>(7.306.788.524)</b>	<b>245.308.566.606</b>	<b>(7.204.973.342)</b>

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Trả trước cho người bán là bên thứ ba</b>	<b>5.691.495.058</b>	<b>8.774.380.280</b>
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Vĩnh Phú	-	7.695.000.000
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng SX Hoàng Hà	3.265.109.029	-
Các khoản trả trước khác	2.426.386.029	1.079.380.280
<b>b. Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	<b>1.663.929.928</b>	<b>-</b>
	<b>7.355.424.986</b>	<b>8.774.380.280</b>

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
<b>a. Phải thu khác là các bên liên quan</b>	<b>6.962.135.586</b>	<b>29.427.487.559</b>
<b>b. Các khoản phải thu khác</b>	<b>15.748.917.853</b>	<b>35.287.075.398</b>
Lãi tiền gửi	3.719.403.478	3.004.282.733
Phải thu bảo hiểm xã hội	-	7.055.447
Phải thu về ký quỹ	2.099.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH PECI Việt Nam	3.333.779.693	18.436.023.019
Khác	6.596.734.682	11.839.714.199
	<b>22.711.053.439</b>	<b>64.714.562.957</b>

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.042.597.563	1.719.759.694
Công cụ, dụng cụ	7.069.076.710	7.131.864.043
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	57.583.303.949	78.923.069.072
Trong đó:		
<i>Dự án sửa chữa, bảo dưỡng gói thầu SPMD</i>	<i>12.073.406.235</i>	<i>10.193.515.138</i>
<i>Dự án cơ khí gói Long Sơn</i>	<i>11.710.265.173</i>	-
<i>Dự án cơ khí gói Vopak</i>	-	<i>30.477.141.342</i>
<i>Dự án sửa chữa, bảo dưỡng gói STG</i>	<i>26.956.980.263</i>	<i>26.956.980.263</i>
<i>Dự án khác</i>	<i>6.842.652.278</i>	<i>11.295.432.329</i>
	<b>69.694.978.222</b>	<b>87.774.692.809</b>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Phí bảo hiểm các loại	555.499.416	485.496.218
Công cụ, dụng cụ	174.310.779	377.165.740
Chi phí khác	184.756.534	150.966.992
	<b>914.566.729</b>	<b>1.013.628.950</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	991.707.146	618.782.704
Chi phí khác	8.611.063.233	9.283.093.287
	<b>9.602.770.379</b>	<b>9.901.875.991</b>



12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	502.618.526.586	60.864.066.996	6.717.815.631	22.392.579.568	7.759.584.126	600.352.572.907
Tăng trong năm	-	41.689.607.273	246.606.000	1.286.790.910	93.500.000	43.316.504.183
Số dư cuối năm	502.618.526.586	102.553.674.269	6.964.421.631	23.679.370.478	7.853.084.126	643.669.077.090
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	244.596.532.308	43.429.621.967	6.058.365.552	12.538.219.095	2.950.141.617	309.572.880.539
Khấu hao trong năm	24.206.362.680	7.744.818.065	862.770.688	2.858.547.919	982.339.222	36.654.838.574
Số dư cuối năm	268.802.894.988	51.174.440.032	6.921.136.240	15.396.767.014	3.932.480.839	346.227.719.113
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu năm (Trình bày lại)	258.021.994.278	17.434.445.029	659.450.079	9.854.360.473	4.809.442.509	290.779.692.368
Tại ngày cuối năm	233.815.631.598	51.379.234.237	43.285.391	8.282.603.464	3.920.603.287	297.441.357.977

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 51.091.976.709 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 45.627.547.788 đồng).

13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5%	5%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	32.730.603.680	28.819.402.020
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>1.636.530.184</b>	<b>1.440.970.101</b>

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn là bên thứ ba</b>	<b>102.016.837.627</b>	<b>102.016.837.627</b>	<b>174.172.944.654</b>	<b>174.172.944.654</b>
Công Ty Cổ Phần Đầu tư Và Quản lý Tài sản Á Châu	-	-	18.692.291.833	18.692.291.833
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Đầu tư Ngọc Long	9.035.305.060	9.035.305.060	9.351.698.996	9.351.698.996
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	2.078.356.433	2.078.356.433	4.854.607.467	4.854.607.467
Phải trả cho các đối tượng khác	90.903.176.134	90.903.176.134	141.274.346.358	141.274.346.358
<b>b. Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan</b>	<b>25.503.274.277</b>	<b>25.503.274.277</b>	<b>28.408.692.901</b>	<b>28.408.692.901</b>
	<b>127.520.111.904</b>	<b>127.520.111.904</b>	<b>202.581.637.555</b>	<b>202.581.637.555</b>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm (Trình bày lại) VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	(6.315.312.798)	8.938.709.451	1.667.872.186	955.524.467
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.901.695.092	2.518.415.629	3.040.755.694	1.379.355.027
Thuế thu nhập cá nhân	306.634.147	1.915.656.927	1.516.985.826	705.305.248
Các loại thuế khác	618.125.705	502.035.384	1.087.909.270	32.251.819
	<b>(3.488.857.854)</b>	<b>13.874.817.391</b>	<b>7.313.522.976</b>	<b>3.072.436.561</b>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
Chi phí phải trả thuê đất và tài sản (*)	35.000.000.000	30.000.000.000
Chi phí phải trả về các dịch vụ thuê ngoài thực hiện gói thầu DMC	1.933.582.779	5.114.492.028
Chi phí phải trả về các dịch vụ thuê ngoài thực hiện các dự án khác	7.961.136.414	17.305.240.666
Khác	1.473.599.922	-
	<b>46.368.319.115</b>	<b>52.419.732.694</b>

(\*) Đây là khoản chi phí ước tính phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("PVN") về tiền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất tại khu vực mà PVN tiếp nhận từ Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam - Vinashin theo Quyết định số 926/QĐ-TTG ngày 18 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc quyết định tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam và Quyết định số 7090/QĐ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010 về việc chuyển giao cho PTSC Thanh Hóa. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đang trong giai đoạn hoàn tất các thủ tục để ký hợp đồng thuê đất với PVN.

**17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Phải trả khác bên liên quan</b>	<b>22.411.547.554</b>	<b>18.925.724.634</b>
<b>b. Các khoản phải trả khác</b>	<b>3.368.690.314</b>	<b>2.948.286.187</b>
Kinh phí công đoàn	452.419.282	334.281.834
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	372.074.835	160.380
Các khoản phải trả khác	2.544.196.197	2.613.843.973
	<b>25.780.237.868</b>	<b>21.874.010.821</b>

**18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng: Gói thầu Vopak	1.473.716.417	-
Dự phòng phải trả dài hạn khác (*)	8.036.691.830	-
	<b>9.510.408.247</b>	<b>-</b>

(\*) Dự phòng phải trả dài hạn khác thể hiện khoản chi phí bảo dưỡng, sửa chữa lớn khi tàu lên đà đối với các con tàu mà Công ty đang quản lý theo Hợp đồng Quản lý và Điều hành tàu được ký kết giữa Công ty và Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam vào ngày 18 tháng 11 năm 2019.

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư đầu năm trước (Trình bày lại)</b>	<b>400.000.000.000</b>	<b>34.594.714.733</b>	<b>85.642.402.687</b>	<b>520.237.117.420</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	40.303.251.180	40.303.251.180
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	12.797.166.648	(12.797.166.648)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(6.398.583.324)	(6.398.583.324)
Chia cổ tức	-	-	(28.000.000.000)	(28.000.000.000)
<b>Số dư đầu năm nay (Trình bày lại)</b>	<b>400.000.000.000</b>	<b>47.391.881.381</b>	<b>78.749.903.895</b>	<b>526.141.785.276</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	36.413.795.115	36.413.795.115
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	11.432.419.839	(11.432.419.839)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(5.716.209.920)	(5.716.209.920)
Chia cổ tức	-	-	(28.000.000.000)	(28.000.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>400.000.000.000</b>	<b>58.824.301.220</b>	<b>70.015.069.251</b>	<b>528.839.370.471</b>

59 - C  
 TY  
 DẦU KHÍ  
 PTSC  
 THANH HÓA

500  
 H  
 HH  
 GE  
 M  
 CH

Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên số 812/NQ-TH\_ĐHCĐ ngày 22 tháng 05 năm 2020, Công ty đã tiến hành trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 5.716.209.920 đồng, quỹ đầu tư phát triển với số tiền 11.432.419.839 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 và trích lập chia cổ tức cho cổ đông từ lợi nhuận chưa phân phối với số tiền là 28.000.000.000 đồng, tương ứng với 7% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã trả cổ tức cho cổ đông bằng tiền với số tiền là 27.854.914.500 đồng.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh, vốn điều lệ của Công ty là 400 tỷ đồng, tương đương 40.000.000 cổ phần thường với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Vốn cổ phần đã được góp đủ tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Tỷ lệ (%)	Vốn đã góp VND
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	54,69	218.773.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Tài chính Dầu khí	43,75	175.000.000.000
Các cổ đông khác	1,56	6.227.000.000
	<b>100,00</b>	<b>400.000.000.000</b>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

**20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ:		
Đô la Mỹ (USD)	455.297	194.054

**21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý. Công ty cung cấp dịch vụ quản lý, điều hành kinh doanh và khai thác cảng, căn cứ dịch vụ kỹ thuật dầu khí, kinh doanh các dịch vụ cảng; Cung ứng hàng hóa và nhiên liệu; Hoạt động xây lắp và hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Doanh thu, giá vốn của các lĩnh vực kinh doanh tương ứng đã được trình bày ở Thuyết minh số 22 và Thuyết minh số 23 tương ứng. Tài sản và công nợ thì hầu như toàn bộ thuộc về hoạt động kinh doanh dịch vụ cảng và dịch vụ khác, còn các lĩnh vực kinh doanh khác thì không đáng kể. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận khu vực địa lý và báo cáo bộ phận về tài sản và công nợ của lĩnh vực kinh doanh.

**22. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Doanh thu bán hàng	5.258.245.994	9.401.286.946
Doanh thu hợp đồng xây dựng	123.017.965.903	177.285.614.724
Doanh thu dịch vụ cảng và dịch vụ khác	492.032.101.827	696.984.807.611
	<b>620.308.313.724</b>	<b>883.671.709.281</b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Giá vốn hàng bán	5.035.749.065	8.571.463.914
Giá vốn hợp đồng xây dựng	123.752.853.101	172.080.923.148
Giá vốn của dịch vụ cảng và dịch vụ khác	424.976.856.205	633.716.344.637
	<b>553.765.458.371</b>	<b>814.368.731.699</b>

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	118.676.848.025	210.961.129.993
Chi phí nhân công	102.011.015.413	87.543.283.100
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.863.838.580	34.978.201.689
Chi phí dịch vụ mua ngoài	283.947.901.223	564.318.417.993
Chi phí bằng tiền khác	27.110.757.076	20.676.722.974
	<b>568.610.360.317</b>	<b>918.477.755.749</b>

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	7.905.156.628	10.403.107.846
Hoạt động tài chính khác	418.240.428	407.341.556
Lãi chênh lệch tỷ giá	308.894.417	60.641.273
	<b>8.632.291.473</b>	<b>10.871.090.675</b>

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Chi phí nhân công	14.456.132.765	12.308.804.819
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.427.596.463	2.142.933.171
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.808.709.547	2.989.575.784
Chi phí dự phòng	101.815.182	307.385.959
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.022.370.223	10.803.697.599
Chi phí khác	9.368.042.889	8.321.546.815
	<b>36.184.667.069</b>	<b>36.873.944.147</b>

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận trước thuế	38.736.650.661	42.960.842.386
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1.819.982.026)	(1.414.349.582)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	8.150.723.732	8.225.607.617
<b>Thu nhập tính thuế năm hiện hành</b>	<b>45.067.392.367</b>	<b>49.772.100.421</b>
Thu nhập tính thuế theo thuế suất 5%	43.300.418.964	47.047.757.539
Thu nhập tính thuế theo thuế suất thông thường 20%	1.766.973.403	2.724.342.882
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.518.415.629</b>	<b>2.897.256.453</b>

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	195.560.083	239.665.247
<b>Tổng chỉ phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>195.560.083</b>	<b>239.665.247</b>

Đối với hoạt động chính, Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) kể từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2009). Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn năm kể từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập tính thuế từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) và được giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm (9 năm) tiếp theo. Năm 2020 là năm thứ 6 Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

## 28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phần phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế	36.413.795.115	40.303.251.180
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	(5.462.069.267)	(6.045.487.677)
Lãi để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	30.951.725.848	34.257.763.503
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông	40.000.000	40.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>774</b>	<b>856</b>

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2020 được tính trên cơ sở của lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 như trên và số liệu ước tính trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi là 15% từ lợi nhuận sau thuế trong năm của Công ty. Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu với cơ sở trên nhằm phục vụ cho việc so sánh thông tin giữa hai năm do Công ty chưa có kế hoạch cho việc trích Quỹ khen thưởng và phúc lợi cho năm 2020.

## 29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

### Danh sách các bên liên quan

#### Bên liên quan

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam  
 Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Tài chính Dầu khí  
 Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC  
 Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Dự án Nhiệt điện Long Phú  
 Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí  
 Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng  
 Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí  
 Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC (PPS)  
 Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam  
 Công ty TNHH Lọc Hóa Dầu Nghi Sơn  
 Công ty Cổ phần Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí  
 Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC  
 Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội  
 Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ  
 Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC  
 Công ty Bảo hiểm PVI Thanh Hóa

#### Mối quan hệ

Công ty mẹ  
 Công ty mẹ  
 Công ty trong cùng Tổng Công ty  
 Chi nhánh Tổng Công ty  
 Chi nhánh Tổng Công ty  
 Chi nhánh Tổng Công ty  
 Công ty trong cùng Tổng Công ty  
 Công ty trong cùng Tổng Công ty  
 Công ty trong cùng Tổng Công ty  
 Công ty trong cùng Tập đoàn PVN  
 Công ty trong cùng Tập đoàn PVN  
 Công ty trong cùng Tập đoàn PVN  
 Công ty trong cùng Tập đoàn PVN  
 Công ty trong cùng Tập đoàn PVN  
 Công ty trong cùng Tập đoàn PVN  
 Công ty trong cùng Tập đoàn PVN  
 Công ty trong cùng Tập đoàn PVN  
 Công ty trong cùng Tập đoàn PVN

1144  
 CÔNG  
 HẠN  
 VỤ D  
 HỢP  
 ANH T  
 VN T.

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước (Trình bày lại) <u>VND</u>
<b>Bán hàng, dịch vụ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	262.430.380.049	405.998.511.072
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	-	6.116.048.572
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC (PPS)	1.998.444.585	1.884.408.886
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Dự án Nhiệt điện Long Phú	1.020.837.554	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	13.579.308.112	-
Công ty TNHH Lọc Hóa Dầu Nghi Sơn	<u>91.916.016.803</u>	<u>155.313.408.797</u>
<b>Mua hàng, dịch vụ</b>		
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	3.922.600.056	-
Công ty Bảo hiểm PVI Thanh Hóa	1.570.061.560	-
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	1.003.320.182	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	339.129.237	5.007.217.007
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí	17.085.596.531	35.183.123.273
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	<u>2.744.481.112</u>	<u>4.179.330.953</u>
<b>Cổ tức đã chia cho chủ sở hữu</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	15.314.110.000	15.314.110.000
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Tài chính Dầu khí	<u>12.250.000.000</u>	<u>12.250.000.000</u>

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Tiền lương và thu nhập khác	<u>5.215.273.367</u>	<u>5.293.372.883</u>

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm <u>VND</u>
<b>Phải thu</b>		
Công ty TNHH Lọc Hóa Dầu Nghi Sơn	28.190.039.802	67.474.205.262
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Dự án Nhiệt điện Long Phú	2.531.910.038	1.628.468.803
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	81.117.778.309	82.006.953.917
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC (PPS)	312.138.748	1.413.920.497
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	<u>10.833.487.875</u>	-
<b>Người mua trả tiền trước</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	23.919.591.164	-
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Dự án Nhiệt điện Long Phú	<u>2.803.313.642</u>	<u>3.022.793.716</u>

3559  
 TY  
 CẢNG  
 DẦU KHÍ  
 PTSC  
 THANH HÓA

1128  
 CHI NHÁNH  
 Y TNHH  
 (TT)  
 NAM  
 3 CHỈ

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu khác</b>		
Công ty TNHH Lọc Hóa Dầu Nghi Sơn	1.193.699.787	16.902.610.602
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	<u>5.412.481.530</u>	<u>12.055.817.203</u>
<b>Phải trả</b>		
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí	923.194.008	20.365.170.072
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	1.424.202.371	1.987.709.172
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	4.203.447.748	119.160.225
Công ty TNHH Lọc Hóa Dầu Nghi Sơn	<u>18.369.654.157</u>	<u>5.857.491.980</u>
<b>Trả trước cho người bán</b>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	<u>1.663.929.928</u>	-
<b>Phải trả khác</b>		
Công ty TNHH Lọc Hóa Dầu Nghi Sơn	3.904.063.348	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (*)	<u>18.507.484.206</u>	<u>18.925.724.634</u>

(\*) Phải trả khác các bên liên quan là khoản phải trả Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ Thuật Dầu khí Việt Nam liên quan đến tài sản chuyển giao cho Công ty ở giai đoạn trước khi chuyển đổi thành công ty cổ phần và sẽ được Công ty thanh toán dần qua các năm tùy theo tình hình tài chính của Công ty. Khoản phải trả này không chịu lãi suất.

**30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Lãi tiền gửi nhận trong năm không bao gồm 3.719.403.478 đồng (năm 2019: 3.004.282.733 đồng), là lãi tiền gửi phát sinh trong năm nhưng chưa thanh toán. Vì vậy một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên mục thay đổi các khoản phải thu.

Tiền chi mua tài sản cố định trong năm không bao gồm 73.000.000 đồng (2019: 519.899.960 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền chi trả cổ tức trong năm không bao gồm 145.085.500 đồng (2019: 0 đồng), là số tiền chi trả cổ tức trong năm mà chưa chi trả. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

**Bùi Thị Thu Hương**  
Người lập

**Nguyễn Văn Mạnh**  
Kế toán trưởng



**Phạm Hùng Phương**  
Giám đốc điều hành  
Ngày 19 tháng 3 năm 2021